

KHÔNG-THỜI GIAN VÀ LINH HỒN

(Spacetime and Soul)

Trần Việt Bắc

(Tiếp theo)

C- Linh Hồn

Linh hồn là gì? Tùy theo tín ngưỡng, những người có niềm tin, được chỉ dạy về linh hồn theo một khuôn mẫu nào đó! Họ tin là có linh hồn! Linh hồn bất diệt và linh hồn sẽ tới một “nơi” (place) hay vào “một trạng thái” (state) nào đó, tùy thuộc vào quá trình đã sống của họ, sau khi thể xác đã chết! Trong đề tài này người viết xin phép **không đề cập đến niềm tin** để tìm hiểu về linh hồn (soul), hay lĩnh vực tinh thần (spirit realm) cũng như “nhận thức” (consciousness) của con người. Mỗi cá nhân hay mỗi tôn giáo có những niềm tin khác nhau, vì thế người viết chỉ chú trọng đến những gì có tính cách **dẫn chứng, dữ liệu**, hay tốt nhất là những gì **với tính cách khoa học**, để mong biết được **linh hồn là gì? Sự hiện hữu của linh hồn (soul), tinh thần (spirit) và tri thức (mind)** của con người là vĩnh cửu hay tạm thời?

Ngoài tôn giáo, hiện có những tài liệu hay những “bằng chứng” (?) chỉ dấu hiệu về sự tồn tại của linh hồn, như trường hợp các lời khai (testimonies), hay tường thuật được ghi lại trong những câu chuyện “chết đi sống lại” hoặc “kinh nghiệm cận tử” (NDE - Near Death Experiences), rồi những trường hợp tái sinh (rebirth) hay luân hồi (reincarnation). Câu hỏi đặt ra là những trường hợp này có đủ yếu tố để chứng tỏ là có linh hồn?

Trước hết, người viết xin nêu lên vài trường hợp làm thí dụ, cùng với những dữ liệu đã được tra cứu sơ lược về NDE.

C1- Những “Kinh nghiệm cận tử”

(Xin viết tắt là NDE - Near Death Experiences) hay tình trạng “*chết đi rồi sống lại*”

NDE là trạng thái những gì mà người coi như đã chết, sau một thời gian được sống lại và sau đó họ kể lại những gì nhận biết được về “không-thời gian” giữa khi đã chết tới lúc sống lại. Diễn hình như:

C1a- Bác sĩ George Ritchie's NDE²¹ do chính ông kể lại trong cuốn sách “*Return From Tomorrow*” viết chung với Elizabeth Sherrill (được dịch ra 9 ngôn ngữ).

Tóm tắt: G. Ritchie lúc 20 tuổi (1943) là một chuẩn sinh viên y khoa trong quân đội. Tháng 12 năm 1943, Ritchie đang ở trong trại huấn luyện căn bản quân sự Berkeley, bên ngoài thành phố Abilene, Texas. Trước khi được vào trường y ở Richmond, Virginia, ông bất ngờ bị chứng sung phổi (pneumonia) và tắt thở trong vòng 9 phút, với não bộ coi như bị hư hại nặng. Tuy nhiên ông đã sống lại và sau đó đã kể lại cuộc “hành trình” của mình “bên ngoài thân xác” (OBE. Out of body experiences).

G. Ritchie kể về điều này như sau (vài nét sơ lược): Ông rời khỏi cơ thể của mình, đã đi cả ngàn dặm từ Abilene, Texas tới Vicksburg, Mississippi (sau này được kiểm chứng là chính xác²²) và trở lại bệnh viện, gặp “Đấng Cực Sáng” (Tremendous light Being) mà ông cho là Chúa Giê-su Ki-tô (Jesus Christ) với “tình yêu vô bờ bến” bao phủ ông, Đấng này giúp ông xét lại cuộc đời của mình. Sau đó Jesus hướng dẫn G. Ritchie “du hành” trên “cõi thế” (Earthbound Realm), thấy những “linh hồn” (spirit) đang khổ sở vì những lỗi lầm đã làm, những dự vọng không được thỏa mãn. Rồi G. Ritchie được dẫn đến nhiều “lĩnh vực” (realms) khác nữa như “đền của trí tuệ”, “gân thiên đàng”, v.v.. Về lại bệnh viện và G. Ritchie đã vào lại thân xác, sau đó được cứu sống.

Ông làm về y khoa, chết vì ung thư năm 84 tuổi.

C1b- Betty J. Eadie’s NDE do chính bà kể lại trong cuốn sách “*Embraced by the Light*” (1992)²³, được coi như sách bán chạy nhất (best seller) tại Hoa Kỳ, sau đó là những ấn bản được dịch ra 18 ngôn ngữ khác.

Tóm tắt: Betty J. Eadie năm 31 tuổi (năm 1973), trong khi chờ phục hồi trong một cuộc giải phẫu, thì bà yếu dần sau đó qua đời. Bà chết khoảng 4 giờ, sau đó sống lại. Bà bị chứng trầm cảm một thời gian dài, sau đó viết sách kể lại “hành trình” của mình ở thế giới bên kia. Người viết xin kể sơ lược như sau:

²¹ <http://www.near-death.com/ritchie.html>

Hay với bản dịch tiếng Việt:

http://tamlinh.ucoz.com/load/nh_ng_chuy_n_luan_h_i_hi_n_d_i/tr_ng_h_p_ly_k_c_a_george_ritchie_a_ch_t_r_i_s_ng_l_i/9-1-0-202

²² Investigation of George Ritchie's NDE (Near Death Experience) OBE (Out of Body Experience): <http://www.selfconsciousmind.com/ritchie/>

²³ Độc giả có thể đọc bản dịch của dịch giả Nguyễn Phong: <http://www.tamlinh.net/coi-sang/trovetucoisang.html>

Betty J. Eadie rời khỏi thân xác, thấy lơ lửng trên cao, rồi gặp ba người già mà bà cho đây là thiên thần. Nhớ đến gia đình mình, bà “du hành” về nhà và nhận ra rằng mỗi người là bản thể riêng của họ. Bà về lại bệnh viện và sau đó bị cuốn vào “đường hầm”, ra khỏi đây, Betty gặp “Đấng Cực Sáng” mà bà cho là Chúa Giê-su Ki-tô (Jesus Christ) với tình yêu bao la mà bà cảm thấy. Bà đã hỏi nhiều câu hỏi về những chủ đề như cầu nguyện, sự tạo dựng (creation), vườn địa đàng (Garden of Eden) và được trả lời. Được thăm “thư viện của trí tuệ” (library of the mind) và được tới những nền văn minh khác trong vũ trụ. Sau đó được biết là bà phải trở về “cõi thế” với lý do là phải “luyện tập” nhiều hơn nữa dù bà không muốn, với một thông điệp là “Các con hãy yêu thương lẫn nhau”.

C1c- Howard Storm’s NDE được kể trong sách “*My Descent Into Death: A Second Chance at Life*”. Đây là một trường hợp khá đặc biệt, từng là giáo sư và là một họa sĩ, dạy về nghệ thuật tại Đại Học Bắc Kentucky, từ một người không tin, thù địch với mọi tôn giáo, sau NDE, ông đã thay đổi, không làm giáo sư và trở thành mục sư Tin Lành.

Tóm tắt: Năm 1985, H. Storm bị thủng bao tử, vì không được giải phẫu kịp thời nên rất đau đớn, sau đó ngất đi và được cho rằng đã chết. Ông thấy đang đứng bên xác của mình và cơn đau biến mất. Rồi H. Storm nghe tiếng gọi tên mình, với lời mời gọi để đi theo. Ông bị dụ theo và rơi vào vùng có nhiều “kẻ lạ” (the strange beings), sau đó ông bị những kẻ này hành hạ một cách kinh khủng. Trong lúc tuyệt vọng, ông nhớ tới khi còn nhỏ được dạy về lời cầu nguyện, và trong ông có tiếng nói “Hãy cầu nguyện với Đấng Tạo Hóa”, ông đã làm điều này và một “Nguồn sáng” đã đến, ông “nghĩ” là Jesus. Những “kẻ lạ” bỏ đi, sau đó ông đã có một cuộc ôn lại (review) cuộc sống, và đã có những hồi hận. Ngoài ra ông còn hỏi về tương lai của Hoa Kỳ? Chiến tranh nguyên tử có xảy ra hay không? Sau đó là v.v... (Nếu độc giả muốn biết thêm thì có thể vào trang Web như ghi chú sau ²⁴ để đọc, hay có thể nghe cuộc phỏng vấn ²⁵). Mục sư H. Storm hiện đang sống và có nhiều cuộc “nói chuyện” về vấn đề này.

Đã có hàng ngàn “tài liệu” cũng như có khá nhiều sách viết về những việc tương tự.

²⁴ <http://www.near-death.com/storm.html#a01>

²⁵ <http://www.youtube.com/watch?v=fwfKm3O1mOw>

Trong sách “*Life after life*” (sách bán chạy nhất năm 1975 theo New York Times) của Dr. Raymond Moody, sau khi đã so sánh 150 trường hợp NDEs đã đưa đến tổng kết với 9 yếu tố (Elements of the near-death experience) như sau ²⁶:

1- **Nghe thấy âm thanh lạ** như tiếng rì rầm, hay tiếng rung trong khi có cảm giác là đã chết.

2- **Thấy an bình và không đau đớn** sau cơn hấp hối (ngay sau khi “linh hồn” rời thể xác).

3- **Trải nghiệm khi vừa rời thân xác** là đang ở trong một trạng thái về tinh thần mà dường như là sự sống của “một loại trường năng lượng” (a sort of living energy field)

4- **Trải nghiệm đi qua “đường hầm”** (The Tunnel Experience) là bị hút vào bóng tối để thông qua một đường hầm, với tốc độ cực cao, cho đến khi đạt một cảnh giới của ánh sáng vàng - trắng rạng rỡ, mặc dù đôi khi họ cảm thấy sợ hãi vì tưởng rằng đang vào địa ngục.

5- **Lên nhanh tới thiên đàng** (Rising Rapidly into the Heavens), thay vì vào một “đường hầm” một số người nói là họ được đột ngột lên các tầng trời, nhìn thấy trái đất và bầu trời như được nhìn thấy bởi các phi hành gia trong không gian.

6- **“Người của ánh sáng”** (People of Light), sau khi qua “đường hầm”, hoặc sau khi đã “lên trời”, người hấp hối gặp những “người tự phát sáng” (people who glow with an inner light - People of Light). Thường thì họ thấy bạn bè và người thân đã qua đời chào đón họ.

7- **Đấng của Sự Sáng** (The Being of Light - God), sau khi gặp những “người tự phát sáng”, người qua cơn hấp hối thường gặp một “Đấng Linh Thiêng Quyền Năng” (Powerful Spiritual Being) mà một số người đã xác định là Thiên Chúa, Jesus, hoặc một số “Hình Thái tôn giáo” (Religious Figure).

8- **Kiểm lại cuộc sống** (The Life Review), “Đấng của Sự Sáng” (The Being of Light) cho họ ôn lại tất cả mọi thứ họ đã từng làm. Đó là làm sống lại những hành vi họ đã từng làm với người khác và cho họ cảm thấy rằng **tình yêu** là điều quan trọng nhất trong cuộc sống.

9- **Ngần ngại vào lại thân xác** (Reluctance to Return to life), “Đấng của Sự Sáng” (The Being of Light) đôi khi “nói” với người đã hấp hối rằng họ phải trở lại cuộc sống, “lần khác” họ có thể lựa chọn ở lại hoặc quay trở về. Trong cả hai trường hợp, họ không muốn

²⁶ <http://www.near-death.com/experiences/experts03.html> : Đoạn trích và tạm dịch từ bài viết của Kevin Williams: "Dr. Raymond Moody "

quay trở lại. Những người chọn trở lại chỉ vì những người thân yêu mà họ không muốn bỏ lại phía sau.

Kevin Williams người nghiên cứu về NDEs đã đưa ra thống kê, sau khi phân tích 50 trường hợp đã nêu ra 21 khía cạnh thông thường mà những NDE thấy hay cảm nhận được²⁷:

Tình yêu tràn ngập (Overwhelming love): 69%

Thần giao cách cảm (Mental telepathy): 65%

Xem xét lại cuộc sống (Life review): 62%

Thiên Chúa (GOD): 56%

Trạng thái hết sức ngây ngất (Tremendous ecstasy): 56%

Kiến thức không giới hạn (Unlimited knowledge): 46%

Những lĩnh vực của đời sau (Afterlife levels or realms): 46%

Được báo là chưa sẵn sàng (để chết) (Told not ready): 46%

Trình bày tương lai (Shown the future): 44%

“Đường hầm” (Tunnel): 42%

Chúa Jesus: 37%

Quên kiến thức đã nhận biết (Forgotten knowledge): 31%

Sợ hãi (Fear): 27%

Về “quê nhà” (Homecoming): 21%

Được cho biết về những cuộc sống trong quá khứ (Told of past lives): 21%

Địa ngục (Hell): 21%

Thành phố của ánh sáng (City of light): 17%

Đền kiến thức (Temple of Knowledge): 13%

Những linh hồn đang ở giữa những người đang sống (trên trái đất) (Spirits amongst the living): 10%

Tự tử (Thấy những linh hồn chết vì tự tử) (Suicide): 6%

Quỷ (Devil): 0%

²⁷ <http://www.near-death.com/experiences/evidence06.html>

Đây chỉ là những điều sơ lược về NDE, người viết chỉ xin nêu ra vài điểm để khảo sát về những gì có liên quan đến linh hồn. Theo như những NDEs tường thuật, thì những điều này đã nêu lên khá rõ là **có linh hồn và không có thời gian**. Tuy nhiên một số bác sĩ và khoa học gia cho đây chỉ là những ảo giác, một hiện tượng thần kinh (neurological phenomenon), vì không có gì có thể kiểm chứng được!

Như đề tài đã nêu ra, thì NDE không phải là chủ đề, mà **điểm chính là để tìm hiểu là có linh hồn hay không? Có thời gian hay không? Sự tương tác (interaction) giữa thời gian, không gian và “linh hồn” (nếu có) như thế nào?**

Ngoài những tài liệu về NDE đã nêu lên về sự hiện hữu của linh hồn và thời gian cũng như không gian, (dù đây vẫn còn là một câu hỏi, vì cần bằng chứng xác thực để kiểm nhận?), còn có những sự việc có liên quan đến linh hồn như sự “**Tái Sinh**” (rebirth) và “**Luân Hồi**” (reincarnation).

Người viết xin tìm hiểu sơ lược những gì đã thấy qua sách vở và truyền thông (internet) với nhiều trường hợp đặc biệt đã được phổ biến, có liên quan đến “luân hồi” và sự hiện hữu của linh hồn (?).

C2- Tái Sinh (Rebirth) và Luân Hồi (Reincarnation)

Quan niệm về Tái Sinh và Luân Hồi đã có từ nhiều ngàn năm trước từ Đông sang Tây, dù hai từ ngữ này thường được dùng hoán chuyển, tuy nhiên “Tái Sinh” thiên về triết thuyết của Phật giáo (Buddhism), đó là “Tái Sinh” không phải luôn luôn sinh ra và trở lại với hình dạng con người, có thể là thực thể ở trên con người (Bồ Tát - Bodhisattva), hay là dưới con người như động vật. “Luân Hồi” thiên về Ấn Độ giáo (Hindu), hay như một số tín đồ Thiên Chúa giáo, tin là luôn luôn được sinh lại làm người.

Phương Tây trong những thế kỷ vừa qua, quan niệm về Tái Sinh và Luân Hồi bị coi như là một sự mê tín. Để chứng minh là có Tái Sinh hay Luân Hồi theo tính cách khoa học, thì hầu như là điều không thể làm, vì khoa học đặt căn bản trên những gì thực nghiệm, có thể định lượng, quan sát và chứng minh được. Tuy nhiên đến đầu thế kỷ 20, một hiện tượng đã làm các nhà vật lý nhưc đầu là sự **lượng tính** (hai tính chất) của vật chất: một âm điện tử vừa là vật thể (particle), vừa là sóng (wave), để tìm sự giải thích, những tranh luận về triết học vật lý trở nên sôi nổi ²⁸, rồi môn “Cơ học lượng tử” (Quantum

²⁸ Hệ quả triết học của cơ học lượng tử :

http://vi.wikipedia.org/wiki/C%C6%A1_h%E1%BB%8Dc_l%C6%B0%E1%BB%A3ng_t%E1%BB%AD

mechanics) ra đời. Sự tranh luận về triết học vật lý gần như làm cho “thuyết Nhị Nguyên” (Dualism) đã có từ lâu trong triết học và thần học với chủ đề “đầu óc” (brain) - “ý tưởng” (mind), “thể xác” (body) - “linh hồn” (soul) được đề ý tới nhiều hơn. Bác sĩ Ian Stevenson²⁹ - người theo “thuyết Nhị Nguyên” - là người tiên phong trong sự nghiên cứu về “Luân Hồi” trong xã hội Âu Mỹ, ngoài ông ra, còn khá nhiều các khoa học gia khác nghiên cứu hay tìm hiểu về việc này như BS Brian Weiss, Michael Newton, Carol Bowman, BS Bruce Goldberg, TS Roger J. Woolger, TS Morris Netherton, Edgar Cayce, v.v... Riêng BS Ian Stevenson đã nghiên cứu khoảng 3000 trường hợp “Luân Hồi”, hầu hết là với trẻ nhỏ, vì ông tin là trẻ thơ thường nói thật về những gì chúng nghĩ, như câu tục ngữ của Việt Nam: “Đi hỏi già, về nhà hỏi trẻ”.

Ngày nay, nhiều trường hợp về “Luân Hồi” đã được ghi lại khó có thể phủ nhận. Tuy nhiên người viết chỉ xin nêu ra một thí dụ điển hình là trường hợp của Shanti Devi. Trong các trường hợp về luân hồi được đưa ra, thì đây là một sự việc nổi bật nhất, vì đã được kiểm chứng và được coi là xác thực.

Trường hợp của Shanti Devi:



<http://www.viewzone.com/reincarnation.devi2.gif>

<http://www.youtube.com/watch?v=8BlSTWXh8VU>

²⁹ “Some of My Journeys in Medicine” Dr. Ian Stevenson.

Tóm tắt (theo bài viết của Dr. K.S. Rawat)³⁰: **Shanti** Devi sinh năm 1926, trong một gia đình trung lưu ở Delhi, Ấn Độ. Từ khi được 4 tuổi, cô bắt đầu nói về “chồng” và “các con”, và nói cô là **Lugdi** Bai, cô đã chết 10 ngày sau khi sinh con. Shanti đã mô tả về nhà và cửa hàng vải của chồng ở thị trấn Mathura, cách Delhi 145 Km về hướng nam, luôn nói với cha mẹ là cô muốn đi tới Mathura. Lúc khoảng 8 hay 9 tuổi, cô được phỏng vấn bởi vị giáo viên và hiệu trưởng của mình, cô bí mật tiết lộ với giáo viên của mình về tên người “chồng” (kiếp trước) là Pandit Kedarnath Chaubey và diễn tả về hình dáng của người này, khi được ông này hứa đưa cô đi Mathura. Vị giáo viên (Babu Bishan Chand) viết thư cho Pandit **Kedarnath** Chaubey và mong ông này tới Delhi, tuy nhiên sau lúc nhận thư, ông này nhờ một người anh em họ là Pandit **Kanjimal** đi thay để gặp Shanti. Khi gặp ông này cô đã nhận ngay ra là anh em họ của “chồng”, tả cho ông này nghe về căn nhà mà cô đã từng sống và nói cho ông ta biết chỗ cô ta chôn tiền.

Về lại Mathura, Kanjimal khuyên Kedarnath nên đi Delhi, ông “chồng” cùng với vợ sau và con đến Delhi. Họ được đã ăn tại nhà Shanti với món mà ông “chồng” rất thích làm ông này chết đuối. Ông hỏi thêm về căn nhà nơi Shanti “đã sống” để có thể tin hơn, cô trả lời về cái giếng trong sân. Khi nhìn thấy “con” là Navneet, Shanti đã ôm lấy, nước mắt tuôn rơi với đầy cảm xúc. Kedarnath hỏi Shanti làm sao cô biết đây là “con” của mình? Cô trả lời đây là một phần linh hồn của cô nên có thể biết dễ dàng. Trong thời gian ở Delhi, Kedarnath thấy rằng tác phong của Shanti rất giống Lugdi, người vợ đã quá cố của ông. Kedarnath đã nói chuyện riêng với Shanti, bởi vì những chuyện riêng tư của ông với người vợ cũ là Lugdi mà chỉ có hai người biết, Kedarnath đã hoàn toàn bị thuyết phục: Shanti Devi là người vợ cũ Lugdi Bai đã quá cố .

Khi Kedarnath phải trở về lại Mathura, Shanti năn nỉ cha mẹ để đi theo, nhưng bị từ chối. Câu chuyện này đã lan truyền ra cả Ấn Độ, báo chí cũng như những người trí thức bị lôi cuốn để theo dõi. Khi ông Mahatma Gandhi biết chuyện này, ông gọi Shanti, sau đó nhờ 15 người nổi tiếng thành lập một ủy ban (committee) để xem xét về việc này. Ủy ban đã thuyết phục được cha mẹ của cô, để cho phép cô đi cùng với họ đến Mathura khi cô được 9 tuổi.

Khi xe lửa tới Mathura, ủy ban đã tường trình là Shanti đã nhận diện được người anh lớn của “chồng” mình là “Jeth” hay Babu Ram Chaubey. Họ đưa cô lên xe ngựa, cô nhìn thấy một cụ già, cô cúi chào và nói đây là bố “chồng” của mình, điều này đúng. Khi tới nhà, nơi đã ở, cô đã không ngần ngại chỉ ra đây phòng ngủ “của” cô và những gì “thuộc về” cô. Shanti được hỏi với những tiếng địa phương mà những người ở nơi khác không thể biết, và đã trả lời đúng. Sau đó cô muốn đưa cô đến một ngôi nhà khác, khi cùng ở với

³⁰ “The case of Shanti Devi”, Dr. K.S. Rawat: <http://reincarnation.8k.com/Shanti.html>

“chồng”, cô chỉ đường họ tới không một chút khó khăn. Một người trong ủy ban hỏi cô về cái giếng trong sân, Shanti đã chỉ ra chính xác vị trí, dù đã bị che bằng một phiến đá vì lâu ngày đất và cỏ đã phủ bên trên. Về việc Shanti cất tiền, người trong ủy ban đã tìm thấy hộp trống nhưng không có tiền, cô khẳng định là có, “chồng” cô, Kedarnath đã khai ra là ông đã lấy tiền sau khi chôn cất Lugdi để trang trải.

Shanti được đưa tới nhà cha mẹ của Lugdi (tiền kiếp của Shanti) và nhận diện được cô và cha mình. Đưa cô tới đền Dwarkadhish và những gì cô nói trước đều được kiểm nhận là đúng.

Bản tường trình của ủy ban đã gây sự chú ý tới toàn thế giới, nhiều giới chức đã tới đây để tìm hiểu về trường hợp này.

Năm 1986, Shanti Devi đã được phỏng vấn bởi Dr. Ian Stevenson và Dr. KS Rawat (tác giả bài viết đã tham khảo) trước khi bà qua đời lúc được 61 tuổi. Bà không kết hôn vì giữ lời hứa với người “chồng” trong tiền kiếp là Kedarnath.

Dù đây có thể không phải là một chứng minh (proof) cho sự Luân Hồi, nhưng là một bằng chứng (evidence) khá rõ ràng. Ngày nay niềm tin vào Luân Hồi đã bớt bị coi là một sự mê tín, dựa vào những bằng chứng và những tra cứu như trường hợp Anne Frank - Barbro Karlen ³¹ (Âu Châu) hay James Leininger - James Huston ³² (Hoa Kỳ), và v.v.... Năm 1990, bên Âu châu những người tin có Luân Hồi chiếm một số phần trăm đáng kể là 24% (số trung bình) ³³. Ở Hoa Kỳ, có khoảng từ 20% đến 30% ³⁴ Ki-Tô hữu tin có Luân Hồi. Thời khởi đầu của Kitô giáo cũng tin là linh hồn đã hiện hữu từ trước khi có thể xác (the pre-existence of souls), giáo phụ Origen (~184 - ~253) là người cổ võ niềm tin này, tuy nhiên đến Công Đồng Constantinople thứ hai (553), niềm tin này đã bị cấm đoán.

Người viết chỉ nêu ra một trong những trường hợp Luân Hồi, với mục đích muốn tìm hiểu thêm cho câu trả lời về câu hỏi là **có linh hồn hay không**? Vì muốn trở lại làm người dưới một thân xác khác, người này phải có bản thể hay tính chất nào đó - bên ngoài tính cách vật chất - được gọi là “linh hồn” (soul) theo cách thông thường.

³¹ <http://www.iisis.net/index.php?page=semkiw-anne-frank-barbro-karlen-reincarnation-past-life>

³² <http://personalityspirituality.net/2009/06/11/reincarnated-us-fighter-pilot/>

³³ <http://www.spiritual-wholeness.org/faqs/reinceur/reineuro.htm>

³⁴ “CORRELATES OF BELIEF IN REINCARNATION AMONG CHRISTIAN WORSHIPERS”:
<http://hirr.hartsem.edu/sociology/articles/marcum.pdf>

C3- “Cơ học lượng tử” và sự hiện hữu của linh hồn?

(Quantum mechanics and the soul existence)

Trước hết, người viết xin đưa ra một “tiên đề” (postulate) là **con người có não (brain) và tri thức (mind)” là biết suy nghĩ, vì nếu chúng ta biết nghĩ là chúng ta có tri thức (mind); dù ta có dùng “não” để phủ nhận điều này thì ta cũng đã tự chấp nhận là chúng ta biết nghĩ.**

“Óc” và “tri thức” đã được đề cập trong thuyết “Nhị nguyên” (Dualism) từ lâu, nói về sự “lưỡng tính” của của người là “óc” và “tri thức”. Từ “tri thức”, con người có “nhận thức” (consciousness). Câu hỏi được đặt ra là “tri thức” (mind) có phải là “sản phẩm” của “não bộ” - một dạng của thể chất - hoàn toàn tùy thuộc vào “óc” và khi “óc” chết thì “tri thức” cũng mất đi?! Tuy nhiên qua các “Trường hợp cận tử” (NDE - Near Death Experiences), với những bằng chứng khó có thể chối bỏ (như đã trình bày trong phần trước) là dù “óc ngưng làm việc”, con người vẫn còn “**tri thức**” (mind) hay “**nhận thức**” (consciousness) với kiến thức (knowledge) và đặc biệt là tình yêu (love), qua những NDEs đã được ghi nhận.

Người viết xin được gom chung những điều **không thuộc về vật chất và không thể chứng minh này** thành một chữ có tính cách phổ thông là “**Linh Hồn**” (Soul), vì khoa học chúng ta biết được cho đến nay hầu như hoàn toàn đặt căn bản trên vật chất (materialistic) để chứng nghiệm. Khoa học thực nghiệm có thể hoàn toàn giải thích được những điều gọi là “đặt trên căn bản khoa học”? Thực tế là đến nay loài người vẫn còn mù mờ với những gì xảy ra trong “thế giới hạ nguyên tử” (subatomic particle world), cũng như những “bằng chứng” (evidences) không thuộc về vật chất, mà các nhà khoa học vẫn còn đang tìm tòi và nghiên cứu.

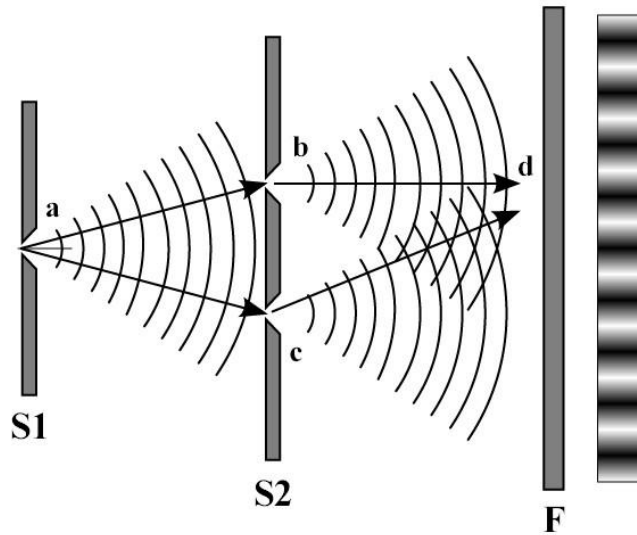
C3a- “Lượng tử” là gì?

Lượng tử là đơn vị có thể đếm hay đo; theo ý nghĩa về vật lý có nghĩa là đơn vị căn bản nhỏ nhất của năng lượng và vật chất, thường được coi là có kích thước cực kỳ nhỏ.

C3b- “Thí nghiệm Kẽ Hở Đôi” (Double-slit experiments)

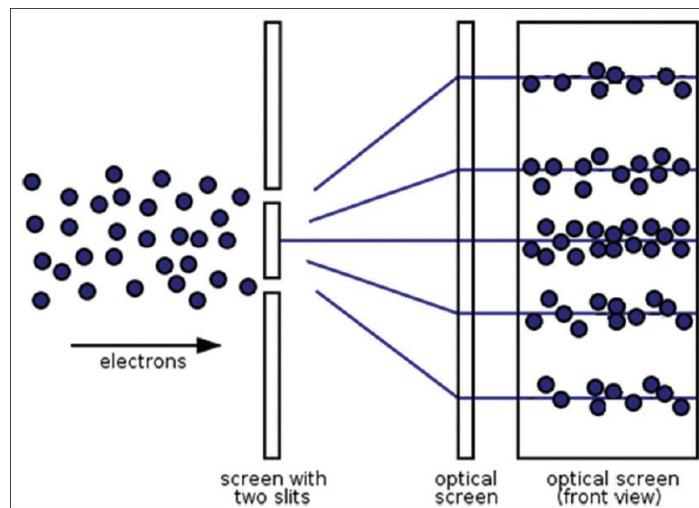
Khoảng năm 1805, Thomas Young đã làm thí nghiệm về sự giao thoa (interference) ánh sáng bằng cách rọi ánh sáng qua một kẽ hở nhỏ (S1), sau đó để ánh sáng đi qua hai kẽ hở nhỏ khác (S2), rồi ánh sáng được chiếu lên màn ảnh F. Kết quả là thấy những vạch chỗ

sáng chỗ tối trên màn ảnh chỉ sự giao thoa của sóng. Điều này chứng tỏ **ánh sáng có tính chất của sóng**.



Sự giao thoa (interference) ánh sáng trong thí nghiệm “Kẽ hở đôi” (~1805) của Thomas Young

<http://upload.wikimedia.org/wikipedia/commons/thumb/4/4e/Doubleslit.svg/514px-Doubleslit.svg.png>



Sự giao thoa của âm điện tử trong thí nghiệm “Kẽ hở đôi” (1937) của George Paget Thomson
http://www.ysjournal.com/articles/2012/5/11/images/YoungScientistsJ_2012_5_11_11_97661_u4.jpg

Năm 1937, George Paget Thomson vật lý gia người Anh đã đoạt giải Nobel về việc chứng tỏ âm điện tử (electrons) là một vật thể, vì nó có trọng khối, nhưng lại có thêm tính

chất khác nữa là sóng, vì chúng có sự giao thoa (interference) giống như ánh sáng. Điều này chứng tỏ những hạt (particles) không phải chỉ có tính chất về thể lý (physical), mà lại có thêm một tính chất khác không thuộc về thể lý, đó là sóng (wave). Để giải thích, môn “Cơ học lượng tử” (Quantum mechanics) đã được đề ra.

C3c- “Nối kết lượng tử” (Quantum entanglement)

Thế giới lượng tử có nhiều hiện tượng “quái đản” như vừa là vật thể, vừa là sóng, như đã trình bày trong phần trước. Hiện tượng này được gọi là “*Trùng chập lượng tử*” (Quantum coherence - có tính cách “tại chỗ” - locality). Một hiện tượng khác là chúng ta không thể định được vị trí chính xác của một âm điện tử, mà chỉ có thể biết được về xác suất vị trí của chúng (bằng phương trình Schrodinger). Hiện tượng này gọi là “*Chồng chất lượng tử*” (Quantum Superposition). Còn một hiện tượng “quái đản” hơn cả trong “cơ học lượng tử” là sự “*Nối kết lượng tử*” (Quantum entanglement, không có tính cách “tại chỗ” - non-locality), dù đã được biết tới nhưng đến nay vẫn không thể giải thích được: Nếu hai “hạt” (particles) A và B đã từng có tác động chung (interaction) và gây ảnh hưởng với nhau, sau khi được tách ra, chúng vẫn mang những đặc tính như trước, vẫn có sự “**nối kết**” (entanglement) với nhau, dù có cách xa nhau bao nhiêu đi nữa³⁵. Giả sử nếu hạt A ở trái đất quay thuận chiều (kim đồng hồ), hạt B trên mặt trăng sẽ quay ngược chiều, nếu hạt A đổi chiều quay, hạt B sẽ lập tức đổi chiều quay theo. Bác học Einstein gọi đây là “*Tác động ma quái qua khoảng cách*” (“*spooky action at a distance*”)³⁶.

Mặc dù đến nay khoa học vẫn chưa hiểu gì về sự “*nối kết lượng tử*”, nhưng đã áp dụng hiện tượng này trong việc “*viễn chuyển lượng tử*” (Quantum teleportation) để chuyển dữ liệu (information) đi xa bằng cách dùng “Qubit” (Quantum bit). Hiện nay, khoảng cách được ghi nhận về “*viễn chuyển lượng tử*” (Quantum teleportation) bằng quang tử (photons) là 143 km (89 dặm), “*viễn chuyển lượng tử*” với hệ thống vật chất (material system) là 21m. “*Ngày 11 tháng Chín, năm 2013, lần đầu tiên trên toàn thế giới, nhóm Furusawa tại Đại học Tokyo đã thành công trong việc chứng minh hoàn chỉnh “viễn*

³⁵ Độc giả có thể vào youtube để coi thêm về điều “quái đản” này trong “cơ học lượng tử” (khoảng hơn 10 phút) với đề tài “*Soul is a Quantum Computer*” trong web site:
<http://www.youtube.com/watch?v=zPLbWsYhZMA>

³⁶ Nghiên cứu về “Nối kết lượng tử” được khởi xướng bởi một bài báo năm 1935 của Albert Einstein, Boris Podolsky, và Nathan Rosen mô tả nghịch lý EPR (*Einstein, Podolsky, Rosen*) và nhiều bài viết của Erwin Schrödinger sau đó. (Wikipedia: *Research into quantum entanglement was initiated by a 1935 paper by Albert Einstein, Boris Podolsky, and Nathan Rosen describing the EPR paradox (“Can Quantum-Mechanical Description of Physical Reality Be Considered Complete?”) and several papers by Erwin Schrödinger shortly thereafter.*)

chuyển lượng tử” với các “‘bit’ lượng tử ánh sáng” bằng “kỹ thuật lai” (hybrid technique)”³⁷.

Nhiều người đã nêu lên câu hỏi là sự “nối kết lượng tử” có liên quan gì đến linh hồn? Có một số người đã nêu ra một điều là những “nhận thức” trong đầu óc chúng ta đã được sao chép lại từ vũ trụ không- thời gian, và trở về vũ trụ khi não của chúng ta ngưng hoạt động. Trong bài viết “*Khoa học có thể giải thích về linh hồn?*” (“*Can Science Explain the Soul?*”)³⁸ của hai bác sĩ Hameroff và Chopra đã nêu kết luận³⁹ mà người viết xin tạm dịch như sau:

“Chúng tôi không đòi sự chứng minh hay bằng chứng cuối cùng của “nhận thức” (consciousness) sau khi chết, nhưng đề xuất ra một căn bản khoa học chính đáng cho nó. Linh hồn và tâm linh hàm ý những điều sau đây, với “giải thích lượng tử” (quantum explanations):

- Liên hệ lẫn nhau giữa các sinh vật sống và vũ trụ thuộc về “nhận thức” và vô thức của lý trí có thể “**được nối kết lượng tử**” (Quantum entangled).

³⁷ Nguồn: http://en.wikipedia.org/wiki/Quantum_teleportation : “Presently, the record distance for quantum teleportation is 143 km (89 mi) with photons,[5] and 21m with material systems.[6] On September 11, 2013, the "Furusawa group at the University of Tokyo has succeeded in demonstrating complete quantum teleportation of photonic quantum bits by a hybrid technique for the first time worldwide.”

³⁸ Nguồn: http://www.huffingtonpost.com/deepak-chopra/can-science-explain-the-s_b_675107.html

³⁹ Nguồn: http://www.huffingtonpost.com/deepak-chopra/can-science-explain-the-s_b_675107.html

Conclusion -- A Science of the Quantum Soul

We don't claim proof or final evidence of consciousness after death, but do propose a plausible scientific basis for it. Soul and spirituality imply the following, with quantum explanations:

- Interconnectedness among living beings and the universe Conscious minds and unconscious processes may be **quantum entangled**.
- Divine guidance/ 'Way of the Tao' Choices in each conscious event influenced by Vedic/Platonic values embedded in fundamental spacetime geometry.
- Consciousness/Soul after death -- Consciousness occurs at the level of Planck scale geometry, and may remain unified after bodily death by **quantum entanglement**, moving through different scalar 'astral' planes.

These proposals are testable, and falsifiable. We welcome critical analysis.

- “Sự hướng dẫn thiêng liêng (Divine guidance) / Sự lựa chọn “Cách của Đạo” (Way of Tao) trong mỗi sự kiện có ý thức, chịu ảnh hưởng của kinh Vệ Đà / giá trị Plato (Platonic values) bao trùm trong hình học không-thời gian căn bản.

- Sự “nhận thức”(Consciousness) / Linh hồn (Soul) sau khi chết - Sự “nhận thức” xảy ra ở kích thước Planck⁴⁰, và có thể **vẫn còn hợp nhất** sau khi cơ thể đã chết bởi sự “**Nối kết lượng tử**” (Quantum entanglement), đi qua những hướng vô định khác nhau trong vũ trụ (moving through different scalar 'astral' planes).

Những đề xuất này có thể kiểm chứng, và có thể sai lầm. Chúng tôi kêu gọi để có thêm sự phân tích quan trọng”.

Chính Bác sĩ Stuart Hameroff (một trong hai tác giả bài viết này) đã cùng với nhà vật lý nổi tiếng người Anh là Sir Roger Penrose đề ra “Thuyết lượng tử về sự hiện hữu của linh hồn” (quantum theory of soul's existence) mà người viết xin được gọi tắt là giả thuyết “Linh hồn lượng tử” (Quantum Soul).

C4- Thuyết “Linh hồn lượng tử”

(“Quantum Soul” Theory)

Các vật lý gia gọi tên của thuyết này là “**Nhận thức lượng tử**” (Quantum theory of consciousness). Tên chính thức của lý thuyết mà hai tác giả đặt ra là “**Thuyết Penrose-Hameroff Orch-OR - “nhận thức” như hàng loạt tính toán lượng tử trong tế bào thần kinh não**” (the Penrose-Hameroff Orch OR theory of consciousness as sequences of quantum computations inside brain neurons). Tuy nhiên chính một trong hai người⁴¹ đưa ra thuyết này là BS. Hameroff, gọi thuyết này là “**Linh hồn lượng tử**” (Quantum Soul) trong bài viết: “*The “Quantum Soul”: A Scientific Hypothesis*”⁴².

⁴⁰ Planck length: 1.6162×10^{-35} m

⁴¹ Penrose không dùng chữ “Linh hồn” vì ông tự nhận mình là một “Atheist” (Người vô thần)

http://en.wikipedia.org/wiki/Roger_Penrose: Penrose does not hold to any religious doctrine,[25] and refers to himself as an atheist. In the film “A Brief History of Time”, he said, “I think I would say that the universe has a purpose, it's not somehow just there by chance ... some people, I think, take the view that the universe is just there and it runs along – it's a bit like it just sort of computes, and we happen somehow by accident to find ourselves in this thing. But I don't think that's a very fruitful or helpful way of looking at the universe, I think that **there is something much deeper about it.**”

⁴² Nguồn: www.quantumconsciousness.org/documents/qsoulchap.pdf

Penrose là tên của nhà vật lý và toán học người Anh **Sir Roger Penrose**.

Hameroff là tên của **bác sĩ Stuart Hameroff**.

Orch OR là chữ viết tắt của “**Or**chestrated **O**bjective **R**eduction” (Phối hợp để giảm mục tiêu?).

Đây là thuyết nói về sự “*nhận thức*” (consciousness) của con người. Năm 1989, nhà vật lý và toán học lừng danh người Anh là Penrose xuất bản sách “*The Emperor’s New Mind*”. Ông đưa ra lập luận là “*nhận thức*” của con người thì “*không có trình tự tính toán*” (non - algorithm) hay lý giải như cách thiết lập “*chương trình*” (program) cho máy tính. Penrose đưa ra giả thuyết là “*cơ học lượng tử*” đóng vai trò cần thiết về “*nhận thức*” của con người. Muốn hiểu về sự “*nhận thức*” (consciousness) phải có một cách thức nào đó để “*giảm sóng lượng tử*” (quantum wave reduction), sau đó ông đổi tên hình thức này là “*Giảm mục tiêu*” (**O**bjective **R**eduction), giảm tới kích thước Planck, đây là tầng lớp căn bản nhất trong vũ trụ ($1.6 \cdot 10^{-35}m$), mặc dù ông không có ý tưởng chính xác về cách “*tác động lượng tử*” (quantum action) của não như thế nào, vì thiếu “*ứng viên*” (candidate) cho “*bit sinh học lượng tử*” (biological qubits) trong não bộ⁴³. Đây là phương cách “**OR**” của Sir Roger Penrose. Quyển sách này đã bị phê bình và chỉ trích khá nhiều bởi những nhà chuyên môn.

Bác sĩ Hameroff là chuyên viên gây mê, đồng thời ông cũng là giáo sư dạy về sự “*nhận thức*” tại đại học Arizona và là chuyên viên nghiên cứu về các “*ống thần kinh*” (neural microtubules), đã thích thú khi đọc “*The Emperor’s New Mind*” của Penrose, vì có thể áp dụng “*phương pháp lượng tử*” (quantum process) cho lý thuyết riêng của mình về cơ chế gây mê (mechanism of anesthesia), nhằm vào sự tìm hiểu về “*nhận thức*” (consciousness) qua tác động trong những “*ống thần kinh*”.

Năm 1992, Dr. Hameroff và TS. Penrose đã gặp nhau, Hameroff cho rằng các “*ống thần kinh*” (neural microtubules) là nơi có những “*tác động lượng tử*” (quantum mechanism) trong não bộ. Sau hai năm hợp tác họ đã đưa ra một lý thuyết chung là “**Orch OR**” (Phối hợp để giảm mục tiêu?).

C4a- Thuyết “Orch OR” hay “Nhận thức lượng tử”

(Quantum theory of consciousness)

Theo thuyết này thì “*Sự nhận thức*” (consciousness) của con người được thành lập trong các “*ống cực nhỏ*” (microtube), những “*ống*” này nối các tế bào thần kinh não với nhau. Với hàng trăm tỷ tế bào thần kinh, não bộ được coi như một “*máy tính sinh học*” (biological computer).

⁴³ Theo như BS Hameroff: http://www.huffingtonpost.com/deepak-chopra/can-science-explain-the-s_b_675107.html

Ngoài cách thức truyền “tin tức” (information) đi bằng phương pháp điện tính và hóa tính (electrochemical processes) như khoa học giải thích, các ống này nối với nhau và đồng thời chúng cũng nối với bên ngoài bằng cách “*nối kết lượng tử*” (Quantum entanglement - *xin coi giải thích trong phần trước*), chúng có tác động như một “hệ thống thông tin” (information networks) để tạo nên “sự nhận thức” (consciousness). Vì thế “sự nhận thức” (consciousness) không bị mất khi não bộ ngưng hoạt động, nó chỉ “hòa” (dissolve) vào vùng *không-thời gian* của vũ trụ rộng lớn. Khi óc bắt đầu làm việc lại, “sự nhận thức” (consciousness) trở vào trong những “ống” này như trước, vì có sự “*sự thông tin nối kết lượng tử*” (Entangled quantum information). Nếu não bộ bị chết hẳn, “sự nhận thức” này vẫn hiện hữu ngoài cơ thể vô thời hạn, hoặc có thể vào trong một bào thai khác để “Luân hồi”.

“Sự nhận thức” gồm có “tri thức” (mind), kiến thức (knowledge), cảm giác (sentience), tình yêu (love), kinh nghiệm, v.v... thường được gọi chung với tính cách tâm linh (spiritual) là “**Linh hồn**” (soul). Thuyết này được BS. Hameroff dùng để giải thích các “kinh nghiệm cận tử” (NDE) hay “luân hồi”.

C4b- Bằng chứng hỗ trợ thuyết “Orch OR”?

Thuyết “Orch OR” đã được Penrose và Hameroff đưa ra hơn 20 năm, bị đá kích khá nhiều, vì các khoa học gia khác cho là não bộ “*quá ấm, ẩm ướt và ồn ào*” (“warm, wet, and noisy”) không thích hợp cho “phương pháp lượng tử” (quantum process). Tuy nhiên mới đây (Jan 16, 2014), trong bài báo của “Phys.org” với tựa đề: “*Discovery of quantum vibrations in 'microtubules' corroborates theory of consciousness*” (“Phát hiện rung động lượng tử trong “**ống cực nhỏ**” chứng thực lý thuyết về ‘*nhận thức*’”). Tại Anh, báo chí cũng đăng bài viết “Quantum Vibrations in Brain Opens 'Pandora's Box' of Theories of Consciousness” (Rung động lượng tử trong não mở “hộp Pandora”⁴⁴ về thuyết của “sự nhận thức”). Trong phần cuối cùng của bài viết này, một trong hai người đưa ra thuyết “Orch OR” là BS Hameroff đã kết luận: “*Các tác giả nói là bằng chứng giờ đây "rõ ràng hỗ trợ" lý thuyết ban đầu của họ. "Orch OR" là lý thuyết khắt khe nhất về "nhận thức"*

⁴⁴ http://vi.wikipedia.org/wiki/Chi%E1%BA%BFc_h%E1%BB%99p_Pandora : Trong thần thoại Hy Lạp, sự tích về chiếc hộp Pandora kỳ bí đã để lại cho nhân gian những điều thú vị và hấp dẫn. Theo truyền thuyết, đó là một chiếc hộp mà các vị thần trên đỉnh núi Olympus đã tặng cho nàng Pandora - người phụ nữ đầu tiên đến thế giới loài người. Nàng Pandora đã được các vị thần dặn kỹ rằng không được mở chiếc hộp đó ra. Nhưng với sự tò mò của mình, Pandora đã mở chiếc hộp ra và tất cả những gì trong chiếc hộp kỳ bí đó đã khiến cho tất cả những điều bất hạnh tràn ngập khắp thế gian: thiên tai, bệnh tật, chiến tranh... và chiếc hộp chỉ còn sót lại một chút “hy vọng” mang tên Pandora cho loài người để có thể tiếp tục sống.

*từng được đề ra, và đã được thử nghiệm một cách thành công toàn diện. Từ một quan điểm thực tế là điều trị những rung động trong những “ống cực nhỏ” của não có thể làm lợi cho tâm thần, thân kinh, và điều kiện nhận biết”*⁴⁵.

Một hội nghị đã được mở ở Amsterdam, Hòa Lan từ ngày 16 đến ngày 18 tháng Giêng năm 2014 để tranh luận (debate) về thuyết này. Kết quả của hội nghị này ra sao, chúng ta đành phải chờ những kết luận vững chắc với đầy đủ chứng minh (?), vì hội nghị này chỉ xảy ra một tuần trước khi có bài viết này! Nếu chúng thực được điều này, thì môn “Sinh Học Lượng Tử” (Quantum biology) sẽ được chú ý nhiều hơn. Thực ra môn học này đã được vật lý gia nổi tiếng thế giới là Erwin Schrödinger đề ra từ năm 1944. Tuy nhiên vì có nhiều hiện tượng “quái đản” về “lượng tử” như “*chồng chất*” (superposition), “*trùng chập*” (coherence), “*nối kết*” (entanglement) như đã trình bày sơ lược trong phần trước, rồi lại thêm hiện tượng “*xuyên hầm*”⁴⁶ (tunneling) mà khoa học ngày nay chỉ áp dụng chứ không có giải thích rõ ràng, có thể vì thế mà các khoa học gia, bác sĩ, v.v.. đã “hờ hững”?

“**Orch OR**” là một thuyết gần như ngoài tầm hiểu biết của người viết, vì gồm quá nhiều lĩnh vực chuyên môn hợp lại, vì thế chỉ **tóm lược lại những tóm tắt** của những bài viết khác, mục đích là tìm hiểu **có linh hồn hay không** theo như khoa học ngày nay, chỉ xin nêu ra những điều này để mong có được sự góp ý hay thêm những sự hướng dẫn!

Thuyết Orch OR, nêu ra sự “nhận thức” (consciousness) nằm trong các “*ống cực nhỏ*” (microtubes) trong não bộ, các ống này liên kết với nhau bằng những trạng thái lượng tử

⁴⁵ <http://www.ibtimes.co.uk/quantum-vibrations-brain-opens-pandoras-box-theories-consciousness-1432614> : The authors say evidence now "clearly supports" their original theory: "Orch OR is the most rigorous, comprehensive and successfully-tested theory of consciousness ever put forth. From a practical standpoint, treating brain microtubule vibrations could benefit a host of mental, neurological, and cognitive conditions," Hameroff concludes.

⁴⁶ http://en.wikipedia.org/wiki/Quantum_tunneling: Một hiệu ứng lượng tử mô tả sự chuyển dịch của hệ vật chất từ trạng thái này sang trạng thái khác mà thông thường bị ngăn cấm bởi các quy luật vật lý cổ điển.

(quantum states) như “nối kết” (entanglement) và “xuyên hầm” (tunneling)⁴⁷. Rồi khi não bộ ngưng hoạt động, thì “nhận thức” không mất và đi vào vũ trụ qua hình thức “*nối kết lượng tử*” (quantum entanglement). Tuy nhiên điểm chính của thuyết này chỉ giải thích về “nhận thức” nằm ở đâu trong não bộ và những tác động “lượng tử” tạo ra sự “*nhận thức lượng tử*” (quantum consciousness). Đây là thuyết hoàn toàn có tính cách khoa học, có lẽ vì Penrose là một trong hai tác giả của thuyết này, ông muốn tránh né những gì có thể dính dáng đến tâm linh, vì thế Orch OR không giải thích gì nhiều về chi tiết của “*kinh nghiệm cận tử*” (NDE - Near death experiences).

Để giải thích về NDE, một giả thuyết khác do một Tiến sĩ ở Netherlands (hay Hòa Lan) đề ra, thuyết này đặt căn bản trên vật lý để giải thích. Người viết thấy thuyết này khá thú vị và có vẻ khá thuyết phục, nên chỉ xin tóm lược lại bài viết tóm tắt* từ trong sách của chính tác giả.

* Độc giả có thể đọc bài viết được phiên dịch sang Anh ngữ: “*THE (NEAR-) DEATH DECODED*” trong trang web sau:

http://www.nderf.org/NDERF/Books/maureen_v_research.htm

C5- Thuyết “Năm Giai Đoạn”

(“The Five Phases Theory”)

Giải thích về những “kinh nghiệm cận tử” (NDE - Near Death Experiences)

C5a- Thuyết của Tiến Sĩ Maureen Venselaar

TS Venselaar là người đã nghiên cứu về NDE (“kinh nghiệm cận tử”) 10 năm với hàng trăm trường hợp và cho là hiện đang có hai cách giải thích về hiện tượng này:

1- Cách giải thích thứ nhất cho đây là một “**hiện tượng thần kinh**” (neurological phenomenon), với những “vẻ” (features) đặc biệt như thấy lại đời sống đã qua của mình, nhìn lại thân thể mình, thấy điều kỳ lạ, v.v... bởi vì não bộ thiếu dưỡng khí (oxygen), kích thích bởi điện năng, bởi căng thẳng, hay thuốc gây ảo giác. Giải thích này coi như não là nơi sản xuất ra NDE và “nhận thức” (consciousness).

⁴⁷ “*Consciousness in the Universe*” - Roger Penrose & Stuart Hameroff

(<http://journalofcosmology.com/Consciousness160.html>): Orch OR suggests that quantum states in microtubules in one neuron could extend by entanglement and tunneling through gap junctions to microtubules in adjacent neurons and glia, and from those cells to others, potentially in brain-wide syncytia.

2- Cách giải thích thứ nhì cho đây là một “**điều siêu nhiên**” (supernatural one), coi não bộ chỉ là một nơi nhận (receiver) sự “nhận thức vũ trụ” (cosmic consciousness) có lẽ là lớn lao vô tận. Người có NDE nổi vào được một phần của “nhận thức vũ trụ” bao la này, nên họ thấy và cảm được như khi ra khỏi thân thể, cảm nhận được tình yêu vô bờ bến, thấy lại đời sống đã qua, du lịch vũ trụ, thấy người thân đã quá cố, v.v...

TS Venselaar cho là cả hai giải thích này đã không xét đến bị thương hay bệnh nặng hoặc nhẹ, nên “kinh nghiệm cận tử” khác nhau, hơn nữa cả hai đã không giải thích tất cả những “vẻ” (features) về NDE đã được ghi nhận. Cảm thấy điều này đã gây nên sự thử thách, nên TS Venselaar đề ra thuyết “Năm Giai Đoạn”, dựa vào căn bản vật lý để giải thích đại cương về hiện tượng này như sau:

“Khi chúng ta đi tới (gần) sự chết, cảm quan để quan sát của chúng ta suy giảm, ý thức (awareness) thay đổi, và sâu thẳm trong thân xác (trong các nguyên tử), bắt đầu một quá trình căn bản mà điều này phát ra một “năng lượng kỳ lạ” ('exotic energy' = năng lượng ánh sáng / quang tử). “Năng lượng kỳ lạ” đặc biệt này là nền tảng của một “cơ thể mới”, tinh khiết và hoàn hảo khác, một cách “nhận thức”/ ý thức khác. Với “cơ thể mới” này (năng lượng kỳ lạ / quang tử), chúng ta có thể đi thông qua các rào cản của không gian và thời gian. Không nghi ngờ gì NDE là một cuộc hành trình thực thụ. Và cuộc hành trình này có thể đi đến bên lề (edge) của vũ trụ này...”⁴⁸.

Những giai đoạn về NDE được TS Venselaar diễn tả như sau:

- 1- Tách rời thân xác.
- 2- Một “hành trình” (qua một đường hầm) đến “ánh sáng thiên đàng” (heavenly light).
- 3- “Bản thể” (Being) “hiện diện” trong ánh sáng (in the presence of the light) gần với ranh giới.
- 4- Trở lại (qua một đường hầm) để “nhập” vào thân xác cho người có “kinh nghiệm cận tử” NDE - Người chết không trở lại, họ qua ranh giới)
- 5- Hợp lại với thân xác.

⁴⁸ *“When we approach the (near) end of life, our sensorial observation decreases, our awareness changes, and deep down in our physical body (in the atoms) a fundamental process starts which releases an 'exotic energy' (= light energy/photons). This special 'exotic energy' is the foundation of an other new pure and perfect 'body', and another kind of consciousness/awareness. With this new body (of exotic energy/photons) we can travel through the barrier of space and time. The (near-)death experience is without a doubt a real voyage. And this voyage is maybe to the edge of our universe...”*

Ghi chú của tác giả: “Bài viết này chỉ là một bản tóm tắt, vì vậy không thể giải thích mọi “vẻ” (features) bằng từng lý thuyết khoa học”⁴⁹.

C5b- Những dẫn chứng khoa học về NDE

Tác giả đã nêu dẫn chứng [DC] về khoa học cho mỗi giải thích, người viết xin gồm chung những dẫn chứng lại như thứ tự dưới đây để tránh sự lặp lại cho từng sự kiện trong mỗi giai đoạn:

DC 1- Theo như các chuyên gia thì các “trị số điện từ” (electromagnetic values) trong và chung quanh thân thể của người cận tử thay đổi [Atwater, Chawla, Greene].

DC 2- Các nguyên tử trong thể xác của chúng ta, khi cơ thể bị hư hại nặng hoặc bị chết, chúng phóng ra “năng lượng ánh sáng kỳ lạ” (exotic light energy) với vô số quang tử (photons) [Gurwitch, Fritz-Albert Popp].

DC 3- Quang tử (photons) “có thể nhận thức” (can be consciousness) [Popp], có thể chứa “tin” (information) [Laszlo, Gary E. Schwarz] và không thể bị hủy diệt (indestructible) [Hawking].

DC 4- Toàn thể vũ trụ được cấu tạo bởi quang tử [Laszlo, Brian Cox].

DC 5- Có các loại quang tử / ánh sáng khác nhau. “Vật thể (matter) do ánh sáng “cô đọng” tạo nên [Scientist David Bohm: “*If something (like our physical body) is 'matter', David Bohm says: it is condensed frozen light*”]⁵⁰.

DC 6- Quang tử có thể “không có tính cách ‘địa phương’”⁵¹ (non-local) [Grinberg].

DC 7- Từ tính và ánh sáng là hai phương diện của cùng một bản chất [Maxwell].

⁴⁹ “This article is just a summary, so it is impossible to explain all features and every single scientific theory”.

⁵⁰ <http://www.sciencedaily.com/releases/1997/09/970918045841.htm> : A team of 20 physicists from four institutions has literally made something from nothing, **creating particles of matter from ordinary light for the first time**. The experiment was carried out at the Stanford Linear Accelerator Center (SLAC) by scientists and students from the University of Rochester, Princeton University, the University of Tennessee, and Stanford. The team reported the work in the Sept. 1 issue of Physical Review Letters.

⁵¹ Điều này đã được trình bày trong phần trước về sự “nối kết lượng tử” (Quantum entanglement)

DC 8- Ánh sáng có thể bị ảnh hưởng bởi những thứ khác, như sự thu hút (attraction) và trọng trường (gravity) [Cox, Mc Donald].

DC 9- Sự sụp đổ (collapse) do trọng trường (gravity) là sự thu nhỏ (contraction) của vật chất (substance).

DC 10- Sự thu nhỏ (contraction) của vật chất (do sức hút trọng trường) có thể tạo nên các “hố đen” (black holes), thí dụ như “hố đen” được thành lập từ các vì sao hay thiên hà (galaxies).

DC 11- “Hố đen” là một thực thể của vũ trụ không- thời gian và có thể là một phần của “lỗ giun” (worm hole), một “đường hầm” (tunnel) thông qua không gian của chúng ta, và thời gian ở đây không còn ý nghĩa, đây là “lỗ giun” trong “nội bộ” của vũ trụ này (intra- universe wormhole). **Quang tử có thể đi qua “hố đen” hay “lỗ giun” mà không bị hủy diệt** [Hawking].

DC 12- Có những “lỗ giun rất nhỏ” (hiện diện trong vũ trụ này “very small/tiny wormholes are plausible”) [Cox, Rujula, CERN ⁵²].

DC 13- Gần “hố đen” có một biên giới gọi là “*chân trời biến cố*” (event horizon), quang tử có thể ở tại đó trong một thời gian (?) [Ferguson].

DC 14- Trọng trường (gravity) và sự “sụp đổ trọng trường” (gravity collapse - tại “hố đen”) không như nhau ở mọi nơi.

DC 15- “Hố đen” không hoàn toàn “đen”, chúng được bao quanh bởi ánh sáng cực kỳ mạnh (vì ánh sáng không tỏa ra được, do sức hút của trọng trường từ “hố đen”)[Hamilton].

DC 16- Mô hình về lý thuyết vật chất thiên văn của vũ trụ này và vũ trụ khác là một cái “*đồng hồ cát*” (‘sand-glass’ clock) [Hawking].



⁵² Nơi thí nghiệm “vật lý cao năng lượng” lớn nhất thế giới, nằm ở phía Tây Bắc ngoại ô Geneva, trên đường biên giới Pháp và Thụy Sĩ.

(Hình trích từ <http://en.wikipedia.org/wiki/Hourglass>)

http://upload.wikimedia.org/wikipedia/commons/thumb/7/70/Wooden_hourglass_3.jpg/200px-Wooden_hourglass_3.jpg

Mô hình này có “lốc xoáy' trên” (upper 'tornado') và ”lốc xoáy' dưới” (lower 'tornado'): “Lốc xoáy trên” quay theo chiều kim đồng hồ và hướng ra ngoài, “lốc xoáy dưới” quay theo hướng ngược lại. Cả hai vũ trụ có thể được kết nối với nhau bởi một “lỗ giun” (wormhole) “liên vũ trụ” [Poplawski]. “Lỗ giun” này gồm một “hố đen” (được bao quanh với ánh sáng) nối với một “hố trắng” (white hole).

DC 17- Hiệu ứng Doppler (Doppler effect) làm cho người quan sát thấy ánh sáng màu xanh (có tần số cao trong quang phổ), do tinh tú di chuyển đến gần, và thấy ra ánh sáng màu đỏ (có tần số thấp hơn) khi chúng di chuyển ra xa [Doppler, Hawking].

DC 18- Trọng trường (gravity) không phải chỗ nào cũng giống nhau (tùy theo trọng khối ảnh hưởng lẫn nhau).

DC 19- Trọng trường (gravity) hiện hữu trên toàn vũ trụ.

C5c- Giải thích về thuyết “Năm Giai Đoạn”

Giai đoạn 1: Tách rời thân xác

Kinh nghiệm: Khi một người bị “chấn thương hóa” (traumatized) nghiêm trọng (ví dụ : do một tai nạn hoặc bệnh tật), họ mất ý thức.

- Thấy một tiếng động lạ và cảm thấy rung động và có tiếng nổ nhỏ ở sâu thẳm trong thân thể.
- Có được một “nhận thức” (consciousness) và một “cơ thể” khác
- Nhìn thấy thân xác của mình. Đây là bắt đầu kinh nghiệm ra khỏi cơ thể.
- Khi cận tử họ nhận ra là họ có một cơ thể “ma” được tạo bằng ánh sáng giống như thân xác của họ .
- Đôi khi, họ đã nhìn thấy “bản thể ánh sáng” (“light beings”) khác, những kẻ này hướng dẫn họ đến thiên đàng.
- Không cảm thấy có sự thay đổi nào trong “cá tính” (personality) của họ, không còn thấy sự đau đớn của thể xác, cảm thấy hạnh phúc và bình yên.
- Có thể nghe và thấy, trong một cách khác, nhưng họ không thể giao tiếp với mọi người như bác sĩ, y tá, v.v... Đôi khi người cận tử nghe các bác sĩ tuyên bố về cái chết của họ.

Người bên cạnh đôi khi nhìn thấy ánh sáng như sương mù (foggy light) rời khỏi thân xác kẻ cận tử.

Kết luận thận trọng (Cautious conclusion) về giai đoạn tách rời thân xác

- Chúng ta sẽ có một cuộc sống sau cuộc đời này - như “bản thể của ánh sáng” - do sự kiện (fact) các nguyên tử bị hư hoặc chết, cơ thể phát ra vô số các quang tử (năng lượng ánh sáng) [DC 2].

- Các “*quang tử kỳ lạ*” có thể có “nhận thức” (nhận thức hàng ngày được kết nối với não bộ trong những hoàn cảnh bình thường sẽ được thay đổi thành một “nhận thức” siêu nhiên bao la hơn). Những “*quang tử kỳ lạ*” này cũng không thể bị phá hủy (vì vậy đời sau có thể là một “cuộc sống vĩnh cửu”). Các “*quang tử kỳ lạ*” này có thể 'mang' “tin tức” (chúng ta đã và đang là ai. Vì vậy, “cơ thể mới” tạo bởi các “*quang tử kỳ lạ*”, nhiều hay ít cũng giống như thể xác của chúng ta.) [DC 3].

Giai đoạn 2: Hành trình qua đường hầm (the journey through a tunnel)

Kinh nghiệm: Khi sự chấn thương đến mức cực kỳ nghiêm trọng, người gần chết (hiện đang là “bản thể ánh sáng”) thấy cách xa hơn với thân xác, thí dụ như nhìn thấy như mái nhà của bệnh viện, v.v...

- Sau đó bị bao quanh bởi một không gian tối tăm, đôi khi họ nhìn thấy những “bản thể xám hay tối” (grey/dark beings). Gần như **cùng một lúc**, họ thấy trái đất, mặt trăng, sao, ngân hà như các phi hành gia thấy (= **tương đối của không gian**)⁵³ (“*Nói kết lượng tử*” (quantum entanglement - Photons can be **non-local**)?) [DC 6].

- Họ cũng nhận ra rằng họ trở thành nhỏ như một “hạt cát” (với cơ thể ánh sáng (body of light) của họ)

- Một “đường hầm” mở ra, “người cận tử” qua “đường hầm” này, với tốc độ ánh sáng (do sự hấp dẫn của một 'nam châm' khổng lồ) hoặc nhanh hơn (?) để đến với “ánh sáng thiên đàng” (heavenly light) mà mỗi lúc lại lớn hơn ở cuối đường hầm.

- Họ trải nghiệm qua tất cả các loại âm thanh và màu sắc.

Kết luận thận trọng (Cautious conclusion) về giai đoạn vào “đường hầm”

Càng đi đến cái chết, các quang tử càng được phát ra nhiều hơn từ các nguyên tử của thể xác, “cơ thể mới” càng thu nhỏ lại [DC 8] và “kinh nghiệm cận tử” NDE sẽ càng sâu sắc hơn (profound) do sự liên quan đến cả năm giai đoạn. “Đường hầm được mở ra” Với

⁵³ “*And (almost) at the same time, they see the earth, moon, stars, the milky way like astronauts do (= relativity of space)*”

“bản thể ánh sáng”, “cơ thể” sẽ giảm kích thước xuống thành một chấm cực nhỏ để vào “đường hầm nhỏ trong vũ trụ này” (a tiny intra-universe wormhole) [DC 10], [DC11], [DC 12], càng lúc càng nhanh, vượt qua tốc độ ánh sáng (?) do sự thu hút của ánh sáng tuyệt diệu cuối “đường hầm” như một “nam châm” cực lớn, sau đó tiếp cận với nguồn ánh sáng này [DC 15][DC 16].

Giai đoạn 3: Nơi “muôn tới” cuối cùng (cho lúc này): Nguồn Sáng

[Final destination (for the time being): The Light]

Kinh nghiệm: Người kể cận với cái chết (như “bản thể của quang tử” - as beings of photons) với NDE chậm lại khi tiến gần đến “ánh sáng thiên đàng” (heavenly light) - một “thế giới” đẹp đẽ khác. Tuy nhiên họ trải nghiệm và biết là đến một ranh giới không thể vượt qua. Chỉ “những bản thể có thể xác đã chết hẳn” mới có thể vượt qua ranh giới này để vào “ánh sáng thiên đàng”.

Cho những người cận tử, họ tự “đánh giá lại cuộc sống” (life review), họ sẽ gặp những “bản thể ánh sáng” hay những “bản thể thần thánh” (higher spiritual being of light). Sự truyền thông xảy ra lập tức. Cũng có lúc phán xét với đầy ân sủng và tình yêu. Theo như những người cận tử, lý do này có vẻ như ánh sáng là tình yêu, là kiến thức. Cạnh những kinh nghiệm này, người cận tử biết tất cả những câu trả lời cho tất cả những câu hỏi của nhân loại.

Hơn nữa : không chỉ là ánh sáng đẹp, những người cận tử cũng thấy hai lốc xoáy, giống như mô hình “đồng hồ cát” mênh mông (immense ‘sand-glass’ clock), họ nói rằng các cơn lốc xoáy trên được quay theo chiều kim đồng hồ ra phía ngoài, cơn lốc xoáy thấp đang quay ngược chiều kim đồng hồ vào phía trong.

Kết luận thận trọng (Cautious conclusion)

Khi mọi người gần cái chết (với “bản thể của ánh sáng”), không có một nghi ngờ chúng ta có khả năng du hành trong không-thời gian, thông qua một đường hầm nhỏ (“lỗ giun” trong vũ trụ này) [DC 12] đến “bên lề” của vũ trụ của chúng ta. Họ thấy hai vũ trụ khác nhau [DC 16]: một là vũ trụ của chúng ta, còn cái khác là “vũ trụ thiên thể” (astral universe), với các rung động huyền ảo của ánh sáng.

Ở giữa các vũ trụ, gần “chân trời biến cố” (event-horizon) [DC 13] của một “hố đen” khổng lồ thuộc về “lỗ giun liên vũ trụ” (inter-universe wormhole) là “cửa” [DC 16] đến “vũ trụ thiên thể”, chúng ta sẽ ở lại “hố đen” một thời gian ⁵⁴ [DC 11]. Lỗ đen này được

⁵⁴ “There is no escape from a black hole in classical theory,” Hawking told Nature. Quantum theory, however, “enables energy and information to escape from a black hole”.

bao quanh với ánh sáng và điều này là một sự thực [DC 15]. Chúng ta có một “cơ thể ma”, một bản sao của cơ thể vật chất. Chúng ta sẽ gặp những người thân yêu đã chết, bởi vì họ cũng là những “bản thể ánh sáng” không thể phá hủy, sau khi họ đã qua đời trên trái đất. Sự thông tin (information) gần như ngay lập tức và có vẻ như “thần giao cách cảm” (telepathic), quang tử được trao đổi, gần như ngay lập tức. Việc xét lại cuộc sống (trong quá khứ) hay viễn cảnh (trong tương lai) là do các quang tử “mang” thông tin với “*hiện tượng hình ảnh ba chiều*” (holographic phenomena). Sự thật ánh sáng là sự “thông tin” (information) [DC 3], giải thích lý do tại sao chúng ta biết tất cả mọi thứ ở đó (trong ánh sáng), các câu trả lời cho những câu hỏi của nhân loại. Bên cạnh đó, chúng ta chắc chắn sẽ trải nghiệm về một “ranh giới”. Đây là “cửa” vào “vũ trụ thiên thể” (“astral” universe) [DC 16], người cận kề cái chết không vào “vũ trụ thiên thể” này, nhưng người đã chết vào.

Giai đoạn 4: Trở về (the return)

Kinh nghiệm: Người cận tử đôi khi có thể lựa chọn giữa “những tia ánh sáng” (beam of light) màu xanh hay xanh lá cây, hoặc những tia màu đỏ hay màu hồng và họ biết chắc chắn là các tia màu xanh có nghĩa là tiếp tục sống trên trái đất; những tia màu đỏ có nghĩa là kết thúc của sự sống trên trái đất (nhưng nhận được sự sống đời đời, đằng sau cánh cửa, trong vũ trụ khác). Người gần chết trở về đôi khi trái với ý muốn của họ, một lần nữa lại qua một đường hầm vẫn mở để về lại thân xác của họ. Một lần nữa họ nhìn thấy các ngôi sao và hành tinh, giống như các phi hành gia đã thấy.

Kết luận thận trọng (Cautious conclusion)

Người cận tử sẽ trở lại đường hầm nhỏ (“lỗ giun” trong vũ trụ này) [DC 12]. Nhìn thấy những tia sáng màu xanh hoặc đỏ là do hiện tượng Doppler [DC 17]. Ánh sáng màu xanh có nghĩa là khi ta tiến gần tới về vũ trụ này, nơi có thể xác chúng ta, đã hay đang và vẫn có “Big Bang đời đời” (everlasting big bang), vì không có thời gian khi chúng ta là “bản thể ánh sáng”. Vì thế màu xanh có nghĩa là đến gần với đời sống trên trái đất (life on earth), còn màu đỏ có nghĩa là xa dần thể xác để vào một vũ trụ khác, cõi vĩnh hằng.

Tổng quát (overall) : Sự suy nghĩ là điều cực kỳ quan trọng, không chỉ trong cuộc sống của chúng ta (khi xét lại - review), mà còn để thiết lập mục tiêu của chúng ta (số phận) ở “thời điểm này”.

Giai đoạn 5: Hợp nhất (với thể xác)

Kinh nghiệm: Sau cuộc hành trình này, người cận tử thấy mình như một quả bóng hay một dấu chấm nhỏ hòa nhập với thể xác và họ cảm thấy những đau đớn hiện đang có. Họ quên đi hầu như tất cả những kiến thức, hay những gì hiểu biết trong hành trình vừa qua,

khi tiếp cận với “ánh sáng thiên đàng” (heavenly light). Quên lãng là điển hình cho các người cận tử, đôi khi họ mong ước trở lại với nguồn “ánh sáng thiên đàng”.

Kết luận thận trọng (Cautious conclusion)

Người cận tử với “bản thể ánh sáng” sau khi đi qua “đường hầm” trong vũ trụ hiện tại (intra-universe wormhole), sẽ từ từ đến gần thể xác do sức hút trọng trường (force of gravity) (?) [DC 18, 19], trở vào lại các nguyên tử trong thể xác và kết nối với chúng. Trị số điện từ trên thể xác lại thay đổi, do năng lượng ánh sáng tạo nên khi hội nhập với thể xác. Sau một thời gian, nếu sự chấn thương hay bệnh tình không nặng hơn, họ sẽ có lại những “nhận thức” hàng ngày như đã có.

C5d- Nhận xét về thuyết “Năm Giai Đoạn”

Giả thuyết “Năm Giai Đoạn” đưa ra những giải thích với những dẫn chứng bằng khoa học khá thuyết phục. Tuy nhiên tác giả chỉ nói đến việc các các “*quang tử kỳ lạ*” ra khỏi thể xác, mà không nhắc đến những “*quang tử*” là gì, này từ đâu đến, để con người có sự “nhận thức” (consciousness). Có lẽ điều này ngoài mục đích giải thích về NDE, nên tác giả không luận tới. Còn một điều nữa là khá nhiều (69%) những người có NDE nói là họ cảm được “*tình yêu tràn ngập*” (overwhelming love) khi tiếp cận với “*nguồn sáng*”, tuy nhiên tác giả cũng không nhắc đến điều này. Tình yêu là một bản chất thật của con người cũng như kiến thức, cảm nhận, suy nghĩ, tưởng tượng, v.v... và tình yêu là yếu tố để tạo nên “linh hồn”. Theo như quan niệm của cá nhân người viết (mà đã học được từ đâu đó), thì không có “cái ác”, điều này xảy ra chỉ vì sự thiếu vắng của “tình yêu”, cũng như không có “sự tối”, vì chỉ tại không có “ánh sáng” và không có “sự lạnh”⁵⁵ chỉ vì không có “sức nóng”.

Tác giả viết là “nhận thức” là do tập hợp của những “*quang tử kỳ lạ*”, có điều gì để chứng minh là chúng ta có và phát ra quang tử (photon) và quang tử hoàn toàn rời khỏi thân xác khi chúng ta chết? Người viết xin phép lạm bàn về “quang tử sống” (biophotons) trong phần tới.

⁵⁵ Nhiệt độ tuyệt đối trong vũ trụ là -273.15 độ Celcius hay 0 độ Kelvin, khi hoàn toàn không có sức nóng.

C6- Thuyết “*Biophotons*”

Ghi chú: Tạm dịch là “*quang tử sống*” hay “*quang tử sinh học*” (“*bio*”: chỉ về sinh vật, loài có sự sống, “*photon*”: quang tử, đơn vị của ánh sáng), vì thế người viết xin dùng chữ “*biophotons*” của Tiến sĩ Popp, tiếng Việt chưa có chữ nào để phiên dịch chữ này.

Trong ngành “*sinh vật học khuôn mẫu*” (conventional biology), giải thích về tiến trình của sự sống dựa trên phản ứng điện - hóa phức tạp giữa những phân tử của tế bào. DNA được phát giác, chúng được cho là yếu tố để tạo dựng, tổ chức, cũng như chi phối các tế bào và mô cho mọi sinh vật, chúng mang “tín hiệu” về sự di truyền, tái tạo cũng như sự tương tác giữa các tế bào⁵⁶. Tuy nhiên có một điều bí ẩn là DNA giống nhau trong một cơ thể, ngoại trừ những “tín hiệu”, thì làm sao mà chúng “biết” là chỗ nào phải tạo nên tế bào của ngón tay, chỗ nào phải tạo nên tế bào thần kinh cho não bộ? Một lý thuyết mới được nêu ra là do “*biophotons*” - là “hạt ánh sáng” (light particles), nguồn tác động cho sự tạo dựng và điều hành trong cơ thể con người.

“*Biophoton*” là gì? Năm 1923, khoa học gia người Nga là Alexander Gurwitsch, đã thí nghiệm và phát hiện về việc “ánh sáng cực tím” (ultraviolet light -UV) rất yếu phát ra từ rễ của cây hành. Tuy nhiên đã có nhiều nỗ lực để lập lại thí nghiệm này nhưng không có kết quả, việc này bị chìm vào quên lãng.

Đến năm 1974, một nhà “vật lý sinh học” (biophysicist) người Đức là Fritz-Albert Popp đã chứng minh sự hiện hữu của nguồn ánh sáng này (biophoton emission) mặc dù cường độ ánh sáng cực kỳ yếu⁵⁷. Nguồn sáng này không giống như sự “phát quang” (bioluminescence) được phát ra từ những sinh vật như đom đóm (firefly) hay một số sinh vật dưới biển, v.v..., do phản ứng hóa học. Theo như thuyết của TS. Popp⁵⁸ thì **DNA của sinh vật chứa “*Biophotons*” và chúng cũng được phát ra từ đây.**

⁵⁶ Người viết gần như không biết gì về sinh vật học, đây chỉ là tham khảo từ internet.

⁵⁷ Tương đương với ánh sáng của cây nến cháy được nhìn ở khoảng cách 15 dặm.

⁵⁸ “*About the Coherence of Biophotons*” - Fritz-Albert Popp - International Institute of Biophysics (Biophotonics) Raketensstation, 41472 Neuss, Germany.

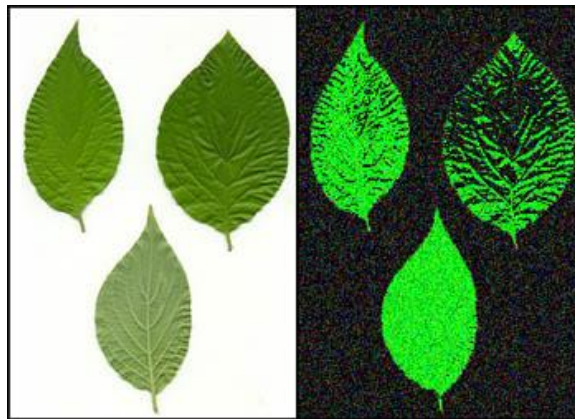
Source: http://www.academia.edu/1901658/About_the_Coherence_of_Biophotons_Fritz-Albert_Popp_International_Institute_of_Biophysics_Biophotonics_Raketensstation_41472_Neuss_Germany:

“**Abstract:** *Biophoton emission is a general phenomenon of living systems. It concerns low luminescence from a few up to some hundred photons-per-second per square-centimeter surface area. At least within the spectral region from 200 to 800nm. The experimental results indicate*

“*Biophotons*” có nhiều tần số, chúng tạo thành một “hệ thống tín hiệu” (signaling system), để những DNA “liên lạc” (communicate) với nhau, hay những tế bào khác trong cơ thể. Những “*Biophotons*” được tạo ra có sự “trùng chập” (coherence)⁵⁹ tương tự như tia laser, có nghĩa là chúng “đồng bộ” (fixed phase) với cùng tần số sóng. Hiện tượng này làm “*Biophotons*” tạo ra và duy trì một vùng “tín hiệu ánh sáng ba chiều” (hologram of light signals) lan ra khắp cơ thể, để DNA “ra hiệu” cho từng tế bào “biết” nhiệm vụ phải làm gì! Sự phát ra “*Biophotons*” từ DNA đã dẫn đến một mô hình mới về cơ thể học (?).

Marco Bischof⁶⁰: “*Lý thuyết “Biophotons” - hình ảnh toàn diện mới về cơ thể được đưa ra bởi TS Popp trên căn bản do kết quả thực nghiệm của ông - đang được sử dụng bởi một số lượng các khoa học gia và bác sĩ càng ngày càng tăng, sự kiện này như một yếu tố quan trọng và khích lệ để phát triển một lý thuyết khoa học đầy đủ về sự sống, điều cần thiết này đã được một số đông cảm nhận (Ho, 1993; Zhang, 2003; Curtis & Hurtak, 2004)*” .

“*Biophotons*” có thật sự hiện hữu hay không? TS Popp đã chứng minh với hình chụp sau đây:



<http://www.viewzone.com/dna-scan.jpg>

that biophotons originate from a coherent (or/and squeezed) photon field within the living organism, its function being intra- and inter-cellular regulation and communication.”

⁵⁹ Tương tự như sự “trùng chập”(coherence) của tia laser được phát ra: Khi âm điện tử từ tầng ngoài cao năng lượng (do được kích thích bằng một năng lượng khác như điện năng) “nhảy vào” tầng trong ít năng lượng hơn, thì “quang tử” sẽ được tạo ra do sự dư năng lượng, nhưng những “dao động” của chúng và phải cùng “pha” (phase), thì mới đủ năng lượng để phát ra ngoài “vật phát quang”.

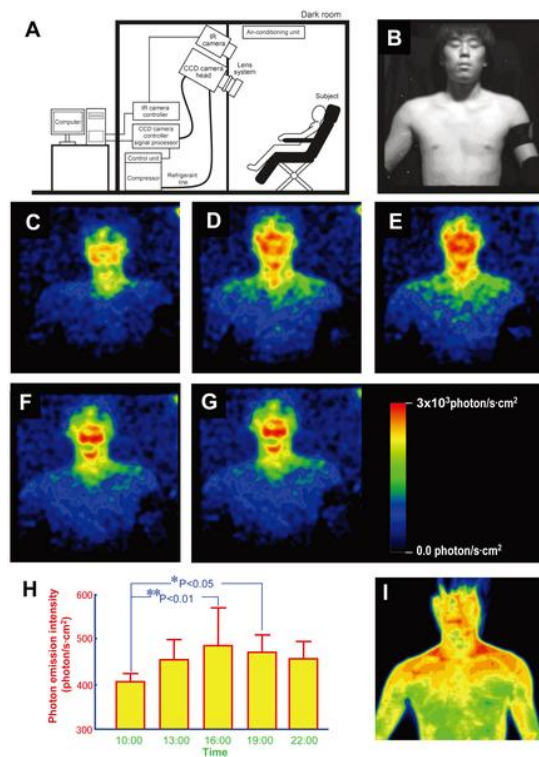
⁶⁰ “*Biophotons - The Lights in our cells*” - Marco Bischof (directors of the International Institute of Biophysics, Neuss, Germany):

http://www.bibliotecapleyades.net/ciencia/ciencia_fuerzasuniverso06.htm

“Trong một bộ phim tài liệu cũ được thực hiện trong phòng thí nghiệm tại Viện Quốc tế về Vật Lý Sinh Học (International Institute of Biophysics), Tiến sĩ Popp mở cửa một buồng tối kích thước bằng một hộp bánh. Ông đặt một cành cây nhỏ và một que diêm bằng gỗ trong một bao nhựa bên trong buồng tối và đóng chặt cửa chặn ánh sáng. Ngay lập tức ông mở máy khuếch đại ánh sáng (photomultiplier) và hình ảnh đã xuất hiện trên một màn hình máy tính. Que diêm có màu đen trong khi, hình có màu xanh của lá được thấy rõ ràng.

Tiến sĩ Popp thốt lên: "*Bây giờ ngày hôm nay chúng ta đã biết, con người thực chất là bản thể của ánh sáng (a being of light)*".”⁶¹

Hình ảnh trên đã chứng tỏ có “*Biophotons*” phát ra từ thực vật. Còn con người thì sao? Ngoài phương pháp dùng máy khuếch đại ánh sáng (photomultiplier) để có hình ảnh về sự phát ra “*Biophotons*” theo như TS Popp đã thí nghiệm; một cách mới hơn là dùng “*máy hình CCD có độ nhiễu xạ cực thấp*” (Ultra low noise CCD [charge-coupled device] camera) để ghi lại “*Biophotons*” phát ra từ con người như trường đại học Tokyo đã thí nghiệm⁶².



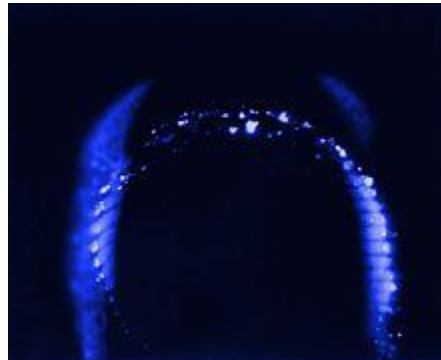
⁶¹ Nguồn: <http://www.viewzone.com/dnax.html> (“*Is DNA the next internet?*” - Dan Eden)

⁶² <http://www.plosone.org/article/info:doi/10.1371/journal.pone.0006256> (Imaging of Ultraweak Spontaneous **Photon Emission from Human Body** Displaying Diurnal Rhythm)

http://www.plosone.org/article/fetchObject.action?uri=info:doi/10.1371/journal.pone.0006256.g001&representation=PNG_I

Ghi chú : Hình I (góc dưới bên phải) là hình “**thermographic**”, hình không do “*biophotons*” phát ra.⁶³

Một cách phổ thông khác là “**nhập ảnh Kirlian**” (Kirlian photography)⁶⁴ cũng đã được dùng từ lâu. Dùng máy hình Kirlian, chúng ta có thể chụp được “**hào quang**” (corona/aura) ở đầu ngón tay như hình sau đây.



http://upload.wikimedia.org/wikipedia/en/thumb/2/22/Kirlian_color_finger.jpg/220px-Kirlian_color_finger.jpg

(Nguồn: Wikipedia - Kirlian photography)

Tuy nhiên đây có phải là “*bio- emission*” tạo ra bởi “*Biophotons*” hay chỉ là sự “**phóng ra**” (discharging) của điện thế cao như trường hợp “*electrostatic discharging*”? Người viết tin tưởng cách dùng máy khuếch đại ánh sáng (photomultiplier) của TS Popp, hay dùng “**máy hình CCD**” để ghi nhận hơn là cách “**chụp hình Kirlian**” mà các khoa học gia không đề cập đến khi tìm hiểu về “*Biophotons*” .

⁶³ A. Schematic illustration of experimental setup. B–F. Images of ultraweak photon emission from human body. B. Image of the subject under light illumination. C. Image at 10:10. D. Image at 13:10. E. Image at 16:10. F. Image at 19:10. G. Image at 22:10 with a calibration bar which indicates the estimated radiation intensity expressed by photon number per unit of time per unit of skin surface. H. Daily rhythm of photon emission from face and body from 5 volunteers. Significant difference from the photon emission at 10:00 AM (n = 15, Mean±SD; **P<0.01, *P<0.05). **I. A typical thermographic image** of the subject from Fig. 1B–G.

doi:10.1371/journal.pone.0006256.g001

⁶⁴ Wikipedia: *Kirlian photography is a collection of photographic techniques used to capture the phenomenon of electrical coronal discharges.*

Qua những khám phá của TS Popp, chúng ta biết có “*Biophotons*” hiện hữu trong các sinh vật, chúng mang “tín hiệu” đến các tế bào khác, **DNA của sinh vật chứa “*Biophotons*” và chúng được phát ra từ đây**. Hiện TS Popp và các cộng sự trong “International Institute of Biophysics” đang nghiên cứu và tìm hiểu thêm về “*Biophotons*”, cũng như những áp dụng điều này trong y khoa.

Người viết không hào hứng lắm với sinh vật học (biology) vì sự hiểu biết về ngành này gần như số không. Tuy nhiên vì muốn tìm hiểu về tâm linh, mà điều này liên quan đến sự “nhận thức” (consciousness), nên xin đưa ra câu hỏi: “*Biophotons*” có chứa “tín hiệu” này từ đâu đến? Đặc biệt là ở trong DNA của những tế bào thần kinh não bộ, nơi mà các khoa học gia cho là nguồn “*nhận thức*” (consciousness) của con người! Vẫn chưa có câu trả lời đặt trên căn bản khoa học mà chúng ta biết! Đây là một điều mà có lẽ các khoa học gia đang tìm tòi để hiểu: tại sao chúng ta - con người - có “*nhận thức*”, và điều này đến từ đâu? Hiện nay sự nghiên cứu về “khoa học nhận thức” (consciousness science) đang được đặc biệt quan tâm bởi các khoa học gia.

Có một giả thuyết khác khá thú vị đã nêu lên về nguồn gốc của “*Biophotons*” trong não bộ là chúng từ đâu đến, tác giả đặt tên là “*Neurophoton*” mà người viết xin tạm chuyển âm là “*quang tử não*”, với tên tạm gọi là “*Sự ‘nhận thức’ bằng quang tử não*” (The Neurophoton Consciousness Theory) và sẽ xin tìm hiểu trong phần tới.

(Còn tiếp)